

Số: 164/TM-BV

Vũ Thur, ngày 01 tháng 08 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thur có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm thiết bị y tế của bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thur với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thur.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dược sỹ Vũ Văn Huỳnh - Trưởng khoa Dược bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thur, SĐT: 0983.136.575, Email: Vuhuynh1507@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản giấy có dấu đỏ: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn Thư Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thur, Địa chỉ Thị trấn Vũ Thur, huyện Vũ Thur, tỉnh Thái Bình; SĐT: 0227.3826.306.

- File mềm: Gửi vào địa Email: Vuhuynh1507@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 02 tháng 08 năm 2024 đến trước 17h ngày 12 tháng 08 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12 tháng 08 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm (theo phụ lục I đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thur (Thị trấn Vũ Thur, huyện Vũ Thur, tỉnh Thái Bình).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

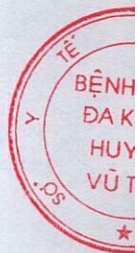
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

- Giá trị thanh toán: Theo khối lượng và giá trị từng đợt nghiệm thu hợp



đồng.

- Điều kiện, thời hạn thanh toán: Nhà thầu đã hoàn thành việc cung cấp, bàn giao đầy đủ đúng số lượng, chất lượng và thời gian giao nhận cho bệnh viện. Số hàng hóa sẽ được hai bên nghiệm thu theo từng đợt. Bệnh viện sẽ thanh toán 100% giá trị nghiệm thu trong vòng 90 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận đầy đủ hồ sơ chứng từ thanh toán.

Lưu ý: Báo giá phải được người có thẩm quyền ký trực tiếp trên văn bản giấy, khi ký văn bản dùng bút có mực xanh, không dùng các loại mực dễ phai hoặc dùng dấu chữ ký khắc sẵn để ký báo giá.

5. Các thông tin khác.

Nhà thầu áp dụng mẫu báo giá theo Phụ lục 02 đính kèm công văn này.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website bệnh viện ĐK Vũ Thư;
- Lưu: VT, KD.



Đỗ Văn Lương





PHỤ LỤC 1: DANH MỤC MUA SẴM
(Kèm theo công văn số: K/4 /TM-BV ngày 01 tháng 08 năm 2024 của bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
1	<p>Hệ thống khí y tế trung tâm (Hệ thống cung cấp oxy và hệ thống khí nén)</p> <p>Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật</p> <p>* Yêu cầu chung: Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO9001:2015 Chứng nhận phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8022-1</p> <p>Yêu cầu cấu hình hệ thống: + Trung tâm cung cấp khí oxy</p> <ul style="list-style-type: none">- Bàng bình oxy dạng nén 2 nhánh x 5 bình- Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất : ISO 9001:2015, ISO13485:2016,- Tiêu chuẩn chất lượng lắp đặt: ISO9001:2015, ISO13485:2016 phù hợp theo tiêu chuẩn ISO7396-1 hoặc tương đương." <p>Hệ thống bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bộ chuyển đổi khí oxy : 01 bộ- Dây dẫn khí O-xy áp lực cao: 10 dây- Van an toàn của hệ thống: 01 cái- Giàn đầu cho hai nhánh dạng mô-đun 5 bình/ nhánh: 02 giàn- Giàn giữ bình loại 5 bình (không bao gồm bình khí):) 1 bộ- Dây đủ các linh phụ kiện theo thiết kế tiêu chuẩn để bồn hoạt động bình thường và áp lực đầu ra 4 bar nối vào hệ thống đường ống dẫn truyền phân phối <p>+ Trung tâm cung cấp khí nén</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất : ISO 9001:2015</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng lắp đặt: ISO9001:2015, ISO13485:2016 phù hợp theo tiêu chuẩn ISO7396-1 hoặc tương đương."</p> <p>Cấu hình trung tâm bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy nén khí: 02 máy- Máy sấy khô khí nén: 01 máy- Bộ phân lọc: 01 bộ- Bộ điều khiển: 01 bộ- Bình chứa khí nén: 01 bình- Bộ giám áp: 01 bộ <p>Ngõ cấp khí</p>	01	Hệ thống

	<p>Xuất xứ: EU/G7 hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất: ISO 13485 Tiêu chuẩn chất lượng thi công : ISO9001, ISO13485 hoặc tương đương Lắp đặt phù hợp tiêu chuẩn ISO7396-1 hoặc tương đương" Các loại ổ khí bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngõ ra cấp khí nén: 06 bộ - Ngõ ra cấp khí oxy: 12 bộ <p>Thiết bị ngoại vi Bộ điều chỉnh lưu lượng oxy kèm bình làm ấm và đầu cảm nhanh oxy tương thích ổ khí: 12 bộ Xuất xứ: EU/G7 hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất: ISO 13485" Van ngắt tay chuyên dùng cho khí y tế: 01 bộ Xuất xứ: EU/G7 hoặc tương đương Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất: ISO 13485, EC-Certificate: Gem.93/42/EWG Anhang II ohne (4)/acc.93/42/EEC Annex II without (4) hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng thi công : ISO9001, ISO13485 hoặc tương đương Lắp đặt phù hợp tiêu chuẩn ISO7396-1 hoặc tương đương"</p> <p>Hệ thống đường ống dẫn khí y tế kết nối từ trung tâm đến ngõ ra khí Thành phần các ống bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp và lắp đặt ống đồng bằng hàn, đường kính ống D15x0.7mm - Cung cấp và lắp đặt ống đồng bằng hàn, đường kính ống D12x0.8mm - Phụ kiện đường ống kết nối hành lang, các phòng - Bàn chỉ thị đường khí - Hộp gene đi trong nhà các loại - Dai đỡ ống gồm (Ty, tán, tất kê,Sắt V, U, Kẹp nhựa, Cùm ô mê ga inox, Ống nhựa lót ống, Superlon) - Vật tư phụ thi công - Gas hàn - Oxygen - Nitrogen - Vật tư phụ bu lông, ốc vít, tắc kê - Băng đầu giường 	
--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ dịch lọc: từ $\leq 34^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 39^{\circ}\text{C}$. - Áp lực tĩnh mạch: Từ: $\leq -50\text{mmHg}$ đến $\geq +500\text{mmHg}$ - Áp lực động mạch: Từ: $\leq -300\text{mmHg}$ đến $\geq +280\text{mmHg}$ <p><u>c. Hệ thống siêu lọc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát thể tích bằng bơm Piston hoặc tương đương - Tốc độ siêu lọc: từ 0 đến ≥ 4.00 lít/giờ - Độ chính xác: $\leq \pm 2\%$ <p><u>d. Dịch lọc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng dịch lọc: từ ≤ 300 đến $\geq 800\text{ml/phút}$ - Nhiệt độ dịch lọc: từ $\leq 34^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 39^{\circ}\text{C}$. - Độ dẫn điện: từ ≤ 130 đến ≥ 160 mEq/L (tương đương từ ≤ 13.0 đến ≥ 15.0 mS/cm). <p>- Chương trình UF Profile</p> <p><u>e. Bơm máu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm máu loại 2 trục lăn - Sử dụng được các loại dây máu có kích cỡ khác nhau - Tốc độ bơm máu: + Từ ≤ 15 đến $\geq 600\text{ml/phút}$ với dây máu cỡ 8mm - Dùng bơm khi mở nắp bơm - Chống quay ngược bơm - Có tay quay bơm máu <p><u>f. Bơm Heparine</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Là loại bơm xi lanh - Sử dụng được các loại bơm tiêm cỡ 10ml hoặc 20ml hoặc 30ml - Lưu lượng bơm: từ 0.0 đến 9.9ml/h <p><u>g. Hệ thống phát hiện bọt khí trong máu</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo động khi phát hiện bọt khí: bằng đèn báo, âm thanh - Bảo vệ an toàn: Dùng bơm máu, đóng kẹp tĩnh mạch <p><u>h. Báo động khi có sự cố xảy ra và an toàn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi phát hiện lỗi máy sẽ hiện thị thông tin lỗi trên màn hình - Đèn hiển thị (3 màu: đỏ, vàng, xanh) - Đèn hiển thị (màu đỏ nhấp nháy khi phát hiện lỗi) - Chương trình tự kiểm tra an toàn ngay khi khởi động máy và khi bắt đầu quá trình trộn dịch <p><u>i. Chương trình rửa và khử khuẩn</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy có nhiều chương trình rửa khác nhau: rửa ngày, rửa tuần: + Rửa nước 	

	<ul style="list-style-type: none"> + Rửa hóa chất (khử khuẩn) + Rửa axit + Rửa nóng/ khử khuẩn axit Citric nóng ở nhiệt độ cao tới $\geq 84^{\circ}\text{C}$ (Vừa khử khuẩn, vừa tẩy cặn Canxi trong hệ thống thủy lực) + Chương trình rửa tự động <p>* Yêu cầu chung Hệ thống có công suất tối thiểu 1000 lít/h, đủ cấp nước sử dụng cho 15 máy thận nhân tạo.</p> <p>* Thông số kỹ thuật yêu cầu: Thiết bị lọc Multimedia (Đa tầng) Bao gồm: + Vỏ Composites D500xH1700 + lưới trên + Zeonit + Van tự động Autotrol</p> <p>Thiết bị lọc Cacbon Bao gồm: + Vỏ Composites D500xH1700 + Lưới trên + Van Autotrol + Van solenoid D34 thường mở + Than hoạt tính Calgon</p> <p>Thiết bị Softener (làm mềm nước) Bao gồm: + Vỏ Composites D500xH1700 + lưới trên + Van Autotrol + Van solenoid D34 thường mở + Hạt nhựa chuyên làm mềm Cation</p> <p>Lọc tiền xử lý cho RO 5 micron 3 m3/h Bao gồm: + Lõi lọc 5micron sợi quăn 20" model + Vỏ inox D200; D49 nối ren; SS304 Chứa 5 lõi lọc 20"</p> <p>Bơm áp cấp nước vào hệ đa tầng lọc 2,2Kw - 380V, Q=6m³, H= 15m Tank Inox chứa nước sau lọc đa tầng làm mềm, 3000 lít.</p> <p>Thiết bị lọc thẩm thấu ngược RO lần 1 : 2000 lít/h Bao gồm: + Màng RO – 6 màng + Vỏ chứa màng RO bằng Composite + Lưu lượng kế 100L/ph</p>		
<p>3</p> <p>Hệ thống nước RO dùng cho thận nhân tạo</p>		<p>Hệ thống</p>	<p>01</p>

- +Bộ đo và kiểm soát EC (Độ dẫn điện)
- +Van điện bảo vệ áp suất thấp, áp lực làm việc trên màng
- +Role áp suất điều chỉnh 1-5 kg/cm²
- +Bơm áp cao H=138 m, Q=4 m³, 4Kw, 3 pha, 380V, 50 Hz.
- +Hệ thống đường ống kết nối nhựa chịu áp
- +Khung giá Inox SUS304

Tank Inox 304 chứa nước sau RO lần 1 : 3000 lít

Thiết bị lọc thẩm thấu ngược RO lần 2 : 1000 lít/h

Bao gồm:

- Màng R/O – 4 màng
 - Vỏ chứa màng RO bằng Composite
 - Bộ đo và kiểm soát EC (Độ dẫn điện)
 - Van điện bảo vệ áp suất thấp, áp lực làm việc trên màng
 - Role áp suất điều chỉnh 1-5 kg/cm²
 - Bơm áp cao H=118 m, Q=2m³, 2,2Kw, 3 pha, 380V, 50 Hz.
 - Hệ thống đường ống kết nối nhựa chịu áp
- Tank chứa RO 2000 Lit làm bằng inox 304L dày 4mm theo tiêu chuẩn được để chứa nước vô trùng bắt buộc theo BYT (Tank Vi sinh)

Các phụ kiện gồm :

- Bộ thông và lọc khí
 - Sensor cảm biến mức nước điện tử
 - Đèn UV khử trùng nước trước vào Tank và đi trên đường dẫn vào các máy thận
 - Thiết bị siêu lọc microfiltration 0.2 micro 20 inch
 - Vỏ Thiết bị siêu lọc microfiltration 0.2 micro 20 inch (Vỏ thiết bị làm bằng thép không gỉ)
 - Role điều áp bảo vệ mất nước và quá áp điều chỉnh ở 3 bar
 - Hệ thống phụ kiện đường ống nhựa chịu nhiệt, chịu áp suất cao
 - Hệ thống đường ống cấp dẫn nước vào máy Thận nhân tạo - Ôp PEX chuyên dụng cấp nước y tế
 - Bơm phân phối cấp nước vào các máy thận đầu bơm Inox, Q = 1-2 m³/h, H=60m, 3k-W-380V-50Hz-2,900rpm-3phase.
 - Hệ thống điện điều khiển tự động
- Bao gồm:
- Vỏ tủ sơn tĩnh điện 350x450x180 mm (Việt Nam hoặc tương đương)
 - Hệ thống công tắc xoay chọn chế độ
 - Khởi động từ ĐK bơm hoạt động
 - Hệ thống đường dây kết nối đến thiết bị

		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống giá đỡ thiết bị bằng Inox SUS 304 - Xét nghiệm mẫu - Chậu rửa quả lọc thân nhân tạo 10 quả chia làm 2 ngăn <p>* Yêu cầu chung</p> <p>Ưu tiên lựa chọn máy 4 đầu dò, trong đó đầu dò Linear tốt, phục vụ siêu âm mạch, cơ khớp, tuyến giáp, tuyến vú; đầu dò khối dựng hình 4D rõ nét; máy có xuất xứ từ khu vực có tiêu chuẩn kỹ thuật cao: Âu, Mỹ, Nhật.</p> <p>* Yêu cầu cấu hình tiêu chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân máy chính: 01 máy - Màn hình hiển thị LED, ≥ 21 inches: 01 cái - Cánh tay xoay màn hình :01 cái - Màn hình điều khiển cảm ứng 12 inches :01 cái - Đầu dò Convex điện tử đa tần siêu âm bụng tổng quát: 01 cái - Đầu dò Linear điện tử đa tần siêu âm mạch máu, mô mềm: 01 cái - Đầu dò Sector điện tử đa tần siêu âm tim người lớn: 01 cái - Đầu dò khối tần số dải rộng cho thăm khám sản khoa 3D, 4D: 01 cái - Phần mềm siêu âm bụng tổng quát: 01 phần mềm - Phần mềm siêu âm mạch máu: 01 phần mềm - Phần mềm siêu âm mô mềm: 01 phần mềm - Phần mềm siêu âm cơ xương khớp: 01 phần mềm - Phần mềm siêu âm tim người lớn: 01 phần mềm - Phần mềm siêu âm sản khoa: 01 phần mềm - Phần mềm siêu âm phụ khoa: 01 phần mềm - Phần mềm siêu âm tim thai: 01 phần mềm - Phần mềm dựng ảnh 3D/4D: 01 bộ - Hồ trợ kết nối mạng DICOM: 01 gói - Ổ đĩa DVD : 01 cái - Máy in nhiệt đen trắng: 01 cái - Bộ móc treo giữ dây đầu dò: 01 bộ - Dây cáp điện tim: 01 cái - Máy in nhiệt màu: 01 cái - Bộ máy tinh: 01 bộ - Bộ lưu điện - Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh: 01 bộ <p>* Đặc tính và thông số kỹ thuật</p> <p>Máy chính</p>		
4	Máy siêu âm tổng quát		Máy	01

	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế đồng bộ trên xe đẩy và có 4 bánh xe. Có khoá hãm - Có ≥ 4 công kết nối đầu dò hoạt động - Dải động hệ thống: ≥ 280 dB - Độ sâu thăm khám: ≥ 40 cm - Thang xám: ≥ 256 mức - Công nghệ số hóa: $\geq 4.500.000$ kênh - Tốc độ thu hình đen trắng: ≥ 1.500 hình/giây - Khả năng xử lý ≥ 350 triệu phép tính trên khung hình - Kết hợp lên đến ≥ 9 chùm tia siêu âm, thu được bằng cách điều khiển chùm siêu âm - Có phím tự động tối ưu hóa thông số ảnh siêu âm - Màn hình hiển thị - Màn hình LED $\geq 21,5$ inches - Độ phân giải màn hình: $\geq 1920 \times 1080$ pixels - Tỷ lệ khung hình: $\geq 16:9$ - Góc quan sát: ≥ 175 độ - Tỷ lệ tương phản cao: $\geq 1000:1$ - Số màu: ≥ 16 triệu màu - Dòng quét: Lên đến ≥ 1.024 dòng quét - Công nghệ không chớp nháy - Được gắn trên khay nối với cánh tay đỡ, phạm vi điều chỉnh theo chiều ngang ≥ 87 cm và dọc ≥ 17 cm - Thời gian đáp ứng: nhỏ hơn 14 ms - Bảng điều khiển và giao diện sử dụng - Màn hình điều khiển cảm ứng ≥ 12 inches - Bàn điều khiển xoay được ≥ 180 độ và nâng lên xuống - Các điều khiển chính tập trung thành cụm xung quanh bi xoay - Chiếu sáng bảng điều khiển ba trạng thái (hoạt động, khả dụng và không khả dụng) - Kiểm soát ánh sáng xung quanh để xem hình ảnh đặc biệt trong cả môi trường ánh sáng và bóng tối - Màn hình cảm ứng điện dung đầy đủ màu sắc, hoàn chỉnh với công nghệ vuốt, cho phép dễ dàng điều hướng các điều khiển và tương tác hệ thống - ≥ 8 thanh trượt điều khiển để điều chỉnh TGC - Điều khiển tối ưu hóa tự động 2D / Doppler - Điều khiển phóng ảnh chất lượng cao - Điều khiển chế độ xem ảnh tĩnh (Freeze) - Đầu dò: ≥ 04 công hoạt động 	
--	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi điện từ giữa các đầu dò - Tự động tối ưu hóa thông số của mỗi đầu dò cho loại thăm khám thông qua phần mềm - Người dùng có thể tùy chỉnh cài đặt trước hình ảnh cho mỗi đầu dò - Tự động tối ưu hóa tiêu cự nhận động - Đầu dò Convex điện từ đa tần siêu âm bụng tổng quát - Dải tần số thăm khám: từ ≤ 2 – ≥ 6 MHz - Số chấn tử: ≥ 128 chấn tử - Trường nhìn 2D: ≥ 70 độ - Khẩu độ quét: ≥ 60 mm - Mode thu ảnh: Doppler màu, sóng xung, tần số lặp xung cao, Doppler năng lượng, Doppler năng lượng có hướng, tia đa hướng, bộ lọc nhiễu lớn đốm, hòa âm mô. - Chế độ tương phản - Hỗ trợ khả năng hướng dẫn sinh thiết - Ứng dụng thăm khám: ổ bụng tổng quát (người lớn và trẻ em, bao gồm mạch máu), ruột, sản khoa, phụ khoa, tuyến tiền liệt và các ứng dụng can thiệp - Đầu dò Linear điện từ đa tần siêu âm mạch máu, mô mềm - Dải tần số thăm khám: ≤ 5 – ≥ 12 MHz - Số chấn tử: ≥ 256 chấn tử - Khẩu độ quét: ≥ 50 mm - Mode thu ảnh: Doppler xung lái hướng, Doppler màu, tạo ảnh năng lượng màu, tạo ảnh ghép cắt lát thời gian thực và tạo ảnh loại bỏ nhiễu đốm - Ứng dụng: bộ phận nhỏ, vú, mạch máu, cơ xương khớp, ruột, tuyến giáp,... - Hỗ trợ siêu âm cản âm - Hỗ trợ khả năng hướng dẫn sinh thiết - Tự động tối ưu hóa dòng chảy Doppler - Đầu dò Sector điện từ đa tần siêu âm tìm người lớn - Dải tần số từ ≤ 2 đến ≥ 4 MHz - Số chấn tử: ≥ 80 - Trường quan sát: $\geq 90^\circ$ - Mode tạo ảnh: 2D, Doppler liên tục, Doppler xung lái hướng, Doppler màu và Doppler tần số lặp lại xung mức cao, Doppler mô, tạo ảnh loại bỏ nhiễu đốm XRES, tạo ảnh tối ưu tự động iScan, tạo ảnh hòa âm - Ứng dụng thăm khám: tìm người lớn, tìm trẻ em, Doppler xuyên sọ (TCSD) - Đầu dò khối tần số dải rộng cho thăm khám sản khoa 3D, 4D - Dải tần số thăm khám: ≤ 2 – ≥ 6 MHz - Số chấn tử: ≥ 190 chấn tử 	
--	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Khẩu độ quét: ≥ 63 mm - Thê tích trường nhìn: ≥ 100 độ x 85 độ - Mode thu ảnh: 2D độ phân giải cao, Doppler màu, sóng xung, Doppler năng lượng, Doppler năng lượng có hướng, tia đa hướng, hòa âm mô, bộ lọc nhiễu lớn dóm - Hỗ trợ thu thập khối lượng 3D có độ phân giải cao, định lượng, quét một lần - Hỗ trợ khả năng hướng dẫn sinh thiết - Các ứng dụng sản khoa 3D toàn diện. - Phần mềm thăm khám <ul style="list-style-type: none"> - Các phần mềm thăm khám lâm sàng - Phần mềm siêu âm bụng tổng quát - Phần mềm siêu âm mạch máu - Phần mềm siêu âm mô mềm - Phần mềm siêu âm cơ xương khớp - Phần mềm siêu âm tim người lớn - Phần mềm thăm khám sản khoa - Phần mềm thăm khám phụ khoa - Phần mềm thăm khám tim thai - Phần mềm dựng ảnh 3D/4D - Phần tích ổ bụng, tổng quát: - Tổng quát - Gắn nhãn người dùng - Phần mềm siêu âm mạch máu - Các giao thức động mạch cảnh trái và phải - Tỷ lệ ICA / CCA - Nhãn động mạch và tĩnh mạch chi dưới hai bên - Nhãn động mạch và tĩnh mạch chi trên hai bên - Giám phần trăm đường kính và diện tích - Gói đo ghép mạch máu - Ghi chú của người sử dụng - Phân tích phổ Doppler tự động - Phần mềm đo đặc và phân tích tim - Nhĩ trái, Nhĩ phải, Thất phải, Thất trái - TAVI (can thiệp thay van chủ) - Hẹp van, Van chủ nhân tạo, Van 2 lá nhân tạo - TAPSE (phương pháp đo khoảng cách vận động tâm thu của vòng van ba lá trên trực - đọc ở mặt cắt 4 buồng môn tim bằng chế độ M) 	
--	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> - MAPSE (phương pháp đo khoảng cách vận động tâm thu của vòng van ba lá) - PCWP (áp suất chèn mao mạch phổi hoặc áp lực tắc động mạch phổi) - Hồ trợ đo trên siêu âm gắng sức - MPI (hoặc chỉ số TEI) - Đo đặc thể tích bằng phương pháp diện tích/khoảng cách - Đo phân suất tổng máu (EF) chế độ M (phương pháp Cubed hoặc Teichholz) - Đo EF theo phương pháp một bình diện và hai bình diện Simpson - Đo khối lượng thất trái - Đo đặc vận tốc đỉnh, độ chênh áp tối đa và trung bình - Đo đặc áp lực bán thời gian (P1/2T) - Đo đặc chỉ số E/A, độ dốc D/E - Đo đặc theo phương trình liên tục, chức năng tâm trương, cung lượng tim - Đo đặc thời gian gia tốc, tính toán nhịp tim - Phân mềm siêu âm mô mềm - Ví với các giao thức bên phải và bên trái cho các tổn thương trên mỗi vú - Tinh hoàn - Khối lượng tinh hoàn - EPI đầu, thân, đuôi - Phân mềm siêu âm sản khoa - Sinh trắc học thai nhi - Hồ sơ lý sinh, Chỉ số nước ối, Thai sớm - Xương dài của thai nhi, Hộp sọ thai nhi - Các phép đo khác của sản - Siêu âm 2D, Doppler thai, Siêu âm thai - Phân mềm siêu âm phụ khoa - Thể tích tử cung, Thể tích buồng trứng trái và phải - Nang trái và phải - Độ dày nội mạc tử cung, Chiều dài cổ tử cung - Phân mềm dựng ảnh 4D cao cấp - Hồ trợ hình ảnh 4D lên đến 36 khối mỗi giây - Hiện thị khối với mặt phẳng biểu diễn (độ trong suốt, độ sáng, và điều chỉnh ánh sáng) - Hiện thị ảnh tái cấu trúc đa mặt phẳng (MPPR) - Các thuật toán và bản đồ chuyên biệt giúp tăng khả năng hiển thị ba chiều - Chế độ xem trực giao cho phép xem giải phẫu từ các góc độ - Công cụ cắt ảnh cho phép quan sát khối và tái cấu trúc đa mặt phẳng (MPPR) - Điều khiển lát cắt trong MPPR và hiển thị khối 	
--	---	--

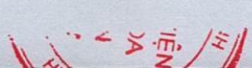
	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ trợ chế độ tia đa hướng và lọc nhiễu giúp giảm ảnh nhiễu giả - Điều khiển thay đổi kích thước điều chỉnh cho các tốc độ quét khác nhau - Các điểm đánh dấu hướng trên màn hình - Chế độ xem trước 3D, điều chỉnh kích thước và vị trí ROI - Chế độ xem trước 3D, điều chỉnh đường cong ROI - Điều chỉnh độ phân giải / tốc độ quét - Tạo ảnh hòa âm mô - Quay theo trục X, Y, Z - Kích thước và vị trí ROI - Điều chỉnh đường cong ROI - Âm thể tích - Đảo ngược lên / xuống - Xoay 3D: 0 °, 180 °, 90 °, 270 ° - Điều khiển chế độ xem 3D: lên, xuống, sang trái, phải, trước, sau - Kiểm soát tâm nhìn 3D - Màu sắc thể tích động - Phóng ảnh - Hiện thị / ẩn tiếng vọng hoặc màu sắc - Đặt lại các điều khiển - Chức năng Pan, Sculpt - Điều chỉnh ngưỡng, chỉnh sáng, làm mịn - Lưu khối của vùng quét hoặc vòng lặp vùng quét - Lưu lại đường quét được. MPR quét được - Các phép đo khoảng cách và diện tích cơ bản được tích hợp trong chế độ hiển thị khối - Phần mềm đo đặc và tính toán - Khoảng cách 2D - Chu vi và diện tích 2D elip, liên tục theo dõi, theo dõi bởi các điểm - Tự động chuyển đổi khoảng cách thành hình elip - Khoảng cách tuyến tính cong 2D - Góc 2D: giao điểm của hai đường - Trong 2D, tính toán thể tích bằng 3 khoảng cách hoặc 1 khoảng cách và 1 elip - Trong 2D, tính toán góc hông và tỷ lệ d: D - Trong 2D, các công cụ giảm phần trăm diện tích và giảm phần trăm đường kính - Trong 2D, tính toán khối lượng hai mặt phẳng - M-mode: khoảng cách (độ sâu, thời gian, độ dốc) - Tính toán khoảng cách Doppler thủ công 		
--	--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh kích thước - Vận tốc đỉnh Doppler - Trong doppler: liên tục theo dõi, theo dõi bởi các điểm - Lưu lượng dòng chảy - Nhập dữ liệu thủ công - Các phép đo thời gian / độ dốc trong Doppler và M-mode - Phân tích Doppler tự động - Các chế độ hình ảnh và hiển thị - Chế độ tạo ảnh thang xám 2D với công nghệ hiện đại mã hóa xung, định dạng xung và kết hợp tần số - Chế độ M-mode - Chế độ M-mode Doppler màu - Chế độ tạo ảnh Doppler tương thích - Chế độ dòng màu băng thông rộng tương thích - Chế độ so sánh màu - Hình ảnh hòa âm mô (THD) với công nghệ đảo ngược xung - Chế độ tạo ảnh tia đa hướng ở thời gian thực - Chế độ tạo ảnh hòa âm mô kết hợp tia đa hướng - Có 5 cấp độ của công nghệ xử lý hình ảnh với chế độ lọc nhiễu lốm đốm tương thích - Chế độ tạo ảnh thông minh với một nút bấm tối ưu hóa TGC và tối ưu hóa độ lợi (tức là bù độ lợi thích ứng - AGC) - Chế độ tạo ảnh đồng thời M-mode 2D - Chế độ tạo ảnh Doppler màu - Chế độ Doppler năng lượng (CPA) và Doppler năng lượng có hướng - Chế độ Doppler xung (PW) tần số lặp xung cao - Chế độ hiển thị đồng thời và màn hình chia hai cho 2D/Doppler xung PW - Chế độ màn hình chia hai 2D, dòng chảy màu và Doppler xung (PW) - Chế độ màn hình chia hai 2D, Doppler năng lượng có hướng (CPA) và Doppler xung - Chế độ màn hình chia ba độc lập cho 2D, dòng chảy màu, Doppler xung (PW) - Chế độ màn hình chia ba độc lập cho 2D, Doppler năng lượng, Doppler xung - Chế độ Zoom - Hình ảnh sắc độ (màu hóa) trong 2D, M-mode và chế độ Doppler - Các tính năng 2D (B-mode) - Có sẵn trên mọi đầu dò lấy ảnh - Điều chỉnh độ rộng và vị trí vùng ré quạt xuyên suốt trình chiếu ảnh động - Khả năng đảo ảnh trái và phải, trên và dưới 	
--	---	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhận độ sáng (Gain) - Lựa chọn từ 1 đến ≥ 8 vùng tiêu cự - Bàn độ thang xám - Tạo ảnh màu với nhiều bản đồ màu - Thu phóng ảnh: định vị vùng ROI được phóng to tại bất cứ vị trí nào trong ảnh, thay đổi chiều cao và độ rộng vùng ROI phóng to - Thu phóng ảnh và phóng to ảnh động hoặc tĩnh đến ≥ 16 lần - ≥ 3 mức tốc độ thu nhận hình ảnh - Hỗ trợ tốc độ thu nhận hình ảnh ≥ 1900 khung hình/giây - Tối ưu hóa hình ảnh mô - Tăng cường độ phân giải tương phản - Xử lý hậu kỳ hình ảnh bao gồm độ lợi, dải động, đảo ngược trên / dưới, đảo ngược phải / trái, thu phóng, bản đồ màu xám và bản đồ Chroma - Tạo ảnh so sánh hình ảnh động - Chế độ tạo ảnh mở rộng trường nhìn - Công nghệ xử lý hình ảnh giảm nhiễu - Tính ổn định (khung hình trung bình) - Hiện thị thang xám tiêu chuẩn - Các tính năng M-mode - Có trên mọi đầu dò lấy ảnh - Chế độ giải phẫu M-mode có trên mọi đầu dò lấy ảnh - Lựa chọn tốc độ quét - Đánh dấu thời gian: 0.1 và 0.2 giây - Khả năng thu phóng hình ảnh - Lựa chọn định dạng hiện thị tỷ lệ 1/3-2/3, 1/2-1/2, 2/3-1/3, cạnh nhau, toàn màn hình - Điều chỉnh sắc độ màu với nhiều bản đồ màu - Xem lại Cineloop để phân tích lại dữ liệu M-Mode ≥ 256 mức thang xám riêng biệt - Các tính năng Doppler - Doppler màu - Có sẵn trên tất cả các đầu dò lấy ảnh - Đảo đường nền - Hiện thị ảnh kép so sánh (ảnh đen trắng bên trái và ảnh màu bên phải) - Phóng ảnh (từ ≤ 1 lần đến ≥ 8 lần) - Thuật toán khử nhiễu làm giảm nhiễu ảnh do chuyển động - Có ≥ 256 bản màu - Đảo màu trên ảnh động và tĩnh 		
--	---	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh mật độ quét ảnh màu và 2D. - Tự động thay đổi xử lý băng tần thích hợp - Doppler màu PRF tối đa ≥ 34 KHz - Doppler liên tục - Có sẵn trên tất cả các đầu dò tìm - Lãi hướng qua ≥ 90 độ - Dải vận tốc tối đa: ≥ 19m/giây - Doppler năng lượng, doppler năng lượng có hướng - Tự động điều chỉnh truyền và nhận xử lý băng thông - Chế độ có độ nhạy cao để quan sát mạch nhỏ - Có sẵn trên tất cả các đầu dò hình ảnh cho hình ảnh tổng quát - Đánh giá Cine-loop với điều khiển việc xem lại hình ảnh một cách đầy đủ - 256 bộ màu - Hiển thị tốc độ và phương sai - Đảo ngược màu sắc trong hình ảnh trực tiếp và hình ảnh tĩnh - Kiểm soát tối ưu hóa tần số cho độ phân giải không gian và tối ưu hóa thâm nhập - Kiểm soát màu sắc và mật độ dòng 2D - PRF tối đa ≥ 34 KHz - Doppler xung (PW) với tần số lặp lại xung mức cao - Doppler phổ - Hiển thị chú thích bao gồm chế độ Doppler, thang chia tỷ lệ (cm/sec) giới hạn Nyquist, bộ lọc thành, độ sáng, hiệu suất siêu âm, kích thước hình khối, hiển thị bình thường hoặc nghịch đảo, hiệu chỉnh góc, hiệu độ thang xám - Tốc độ phổ FFT phần nghìn giây siêu nét - Hiệu chỉnh góc và tự động điều chỉnh tỷ lệ vận tốc - Điều chỉnh được dải tốc độ hiển thị: <ul style="list-style-type: none"> ≥ 9 vị trí di chuyển - Lựa chọn tốc độ quét, 5 tốc độ quét có thể lựa chọn: - Lựa chọn định dạng hiển thị: tỷ lệ 1/3-2/3, 1/2-1/2, 2/3-1/3, cạnh nhau, toàn màn hình - Khả năng lái tia lên đến ≥ 90 °, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng lâm sàng - ≥ 256 mức thang xám riêng biệt - Có trên tất cả mọi đầu dò. - Điều chỉnh kích thước cửa sổ lấy mẫu: $\leq 1.0 - \geq 20$ mm - Phạm vi PRF giữa ≤ 200 Hz - ≥ 34 KHz - Bộ nhớ ảnh Cine - Dữ liệu ảnh 2D/Màu: $\geq 2,200$ ảnh 	
--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Dữ liệu Doppler/M-Mode: ≥ 64 giây - Lựa chọn tốc độ phát lại - Khả năng cắt dữ liệu 2D - Hiện thị số khung hình 2D đang hiện thị trên màn hình - Chọn lựa ảnh bằng con lăn điều khiển - Nhiều điều khiển có sẵn trong đánh giá cine-loop để xử lý hậu kỳ như độ sáng 2D, dải động / nén, bộ lọc giảm nhiễu lốm đốm, phóng đại, thu phóng hình ảnh - Lưu trữ dữ liệu - Đĩa cứng lưu trữ dữ liệu của hệ thống: ≥ 512 GB - Có ổ đĩa DVD - R/RW - Khả năng lưu trữ khoàng ≥ 350 kết quả thăm khám của bệnh nhân - Lập báo cáo theo cấu trúc của người dùng - Có thể xuất/nhập thông tin xu hướng OB qua thiết bị lưu trữ USB - Khả năng ghép nối - Có cổng USB. - Có cổng kết nối máy in. - Có cổng RS-232 - Kết nối mạng không dây, mạng có dây, DICOM, PACS - Có cổng Display port hoặc S-video - Xuất được video toàn màn hình chất lượng $\geq 1920 \times 1080$ (1080p) 		
<p>5</p> <p>Hệ thống nội soi tai mũi họng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ xử lý ảnh HD : 01 chiếc - Nguồn sáng LED: 01 chiếc - CCD Camera HD: 01 chiếc - Dây dẫn sáng: 01 chiếc - Đầu nối với ống soi: 01 chiếc - Ống nội soi 0°: 01 chiếc - Ống nội soi 70°: 01 chiếc - Màn hình: 01 chiếc - Xe đẩy chuyên dụng: 01 chiếc <p>Đặc điểm kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: 220V, 50 -60 Hz 	<p>Hệ thống</p>	<p>01</p>



		<ul style="list-style-type: none"> - Công suất tiêu thụ: $\leq 100W$ - Màn hình full HD - Camera HD - Tự động cân bằng sáng - Độ phân giải : ≥ 1080 FullHD - Cảm biến hình ảnh: 1/3"3CMOS - Tín hiệu kỹ thuật số - Tín hiệu ra : HDMI - Svideo - Có pedan hình ngay trên máy nội soi. - Các chế độ lưu ảnh: ≥ 1 ảnh - Công suất bóng đèn: $\leq 100 W$ - Có 01 công ra nguồn sáng - Ống nội soi: 0° 4mm - 175mm - Ống nội soi: 70° 4mm -175mm - Xe đẩy chuyên dụng - Card lấy ảnh, dây cáp nối tín hiệu hoàn chỉnh: 01 bộ+ bàn đạp chụp hình, dừng hình trên máy tính. 	

PHỤ LỤC 02: BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: /TM-BV, ngày 01 tháng 08 năm 2024 của bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư)

TÊN ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: **Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư**

Trên cơ sở Thư mời báo giá số .../CV-BV ngày ... tháng ... năm ... của bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư, chúng tôi [Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

Stt	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Phân loại TTB/YT	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho dịch vụ liên quan (VNĐ) (nếu có)	Kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng (tại đơn vị nào)	Số quyết định trúng thầu	Thành tiền (VNĐ)
1	Thiết bị A													
2	Thiết bị B													
3														
....														

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm 2024

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm 2024

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá

Ghi chú: Cột phân loại trang thiết bị y tế (Loại A/B/C/D; nếu không có ghi: Không phân loại) (Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)